TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST Ngày 15/02/2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984; đăng ký HKTT: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã Q1, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1982; đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1954; trú tại: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị H có mặt, anh N, bà H1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N kết hôn với nhau vào ngày 21/7/2014 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng gia đình chồng ở thôn A, xã Q, huyện T. Anh chị chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, anh N không có chính kiến, luôn nghe lời mẹ, giữa chị và mẹ chồng có mâu thuẫn nhưng anh N không bênh vực chị mà còn nghe mẹ mắng mỏ, thậm chí đánh chị, anh N đi làm có tiền nhưng không đưa cho chị để chi tiêu trong gia đình mà đưa hết cho mẹ. Mâu thuẫn giữa chị và anh N cùng gia đình nhà chồng ngày càng tăng. Do không thể chịu đựng được cuộc sống như vậy nữa nên từ tháng 10/2018, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Thiên Khánh, xã Quang Hưng, huyện Ninh Giang sống. Chị và anh N ly thân nhau từ đó đến nay, không ai còn tâm đến ai nữa. Chị thấy không còn tình cảm với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về quan hệ con chung: Chị và anh N có một con chung là Trần Thế Vịnh, sinh ngày 25/8/2015, khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ sống, anh N đã giữ con lại không cho chị đưa con theo nên con hiện đang sống cùng anh N. Nguyện vọng của chị muốn được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị làm công nhân công ty may NamYang, thu nhập trung bình là 5.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Trần Văn N và nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã Q, cán bộ Tư pháp xã và đại diện lãnh đạo thôn A, xã Q (nơi anh N cư trú) để xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh N. Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2018, đại diện lãnh đạo xã cùng đại diện Tư pháp, lãnh đạo thôn A xác nhận tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị H đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, lãnh đạo thôn đã tổ chức hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn không thay đổi, nay chị H xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Hôm (là mẹ anh N) trình bày: Trong cuộc sống, chị H và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, chị H cũng nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Ninh Giang sống.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương bày tỏ quan điểm cháu Trần Thế Vịnh còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ, hơn

nữa chị H cũng có công việc ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của cháu nhỏ và bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ.

Toà án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh N không đến tham gia nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 30/01/2019, bị đơn là anh Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên toà, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh N và đề nghị được nuôi con, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H là đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị H có mặt, anh N vắng mặt lần hai không có lý do, HĐXX đã căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị H ly hôn anh N; giao cho chị H nuôi con là Trần Thế Vịnh, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H; về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn N tự nguyện kết hôn và đã được UBND xã Q đăng ký, cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/7/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị H, biên

bản xác minh tại địa phương, lời khai của người làm chứng (là bà Hôm) có căn cứ xác định trong cuộc sống chị H và anh N có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ tháng 10 năm 2018 đến nay, chị H và anh N đã sống ly thân nhau. Anh N cũng không có thiện chí đoàn tụ cùng chị H, điều này thể hiện ở việc trong quá trình vợ chồng ly thân, anh N và chị H không quan tâm đến nhau và anh N cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã nhiều lần được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, đồng thời hòa giải việc ly hôn với chị H nhưng không đến, cũng không thể hiện quan điểm muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ cũng đề nghị HĐXX xử cho chị H được ly hôn anh N. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh N.

[3] Về quan hệ con chung: Cháu Trần Thế Vịnh là con chung của chị H và anh N hiện đang ở cùng anh N nhưng chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. HĐXX thấy cháu Vịnh còn nhỏ (sinh ngày 25/8/2015), rất cần sự chăm sóc của mẹ. Mặt khác, chị H có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên cần giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quan điểm của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương, phù hợp với quan điểm của đại diện VKS và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Trần Thế Vịnh, sinh ngày 25/8/2015 từ tháng 02/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi (cháu Vịnh hiện đang ở cùng anh N). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000737 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Quang Hưng, huyện Ninh Giang;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu